

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	8
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	9 – 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Kim Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Sơn	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Tiến	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Đức	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Trọng	Ủy viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Thanh Hà	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Thu Trang	Thành viên
Ông Hồ Thăng Thu	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Sơn	Giám đốc
Ông Võ Đình Thanh Tuấn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Miền Trung, thành viên của RSM Quốc tế.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Nguyễn Sơn
Giám đốc

Đắk Nông, ngày 10 tháng 08 năm 2017

Số: 08/BCSX/2017-RSMMT

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3, được lập ngày 18 tháng 07 năm 2017, từ trang 5 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực Kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ



Trần Dương Nghĩa**Giám đốc**Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1309-2016-026-1**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam –
Chi nhánh Miền Trung**

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2017

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		94.169.772.769	83.276.314.149
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	64.090.318.268	70.064.292.321
1. Tiền	111		438.583.022	31.975.889
2. Các khoản tương đương tiền	112		63.651.735.246	70.032.316.432
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.255.094.255	12.417.761.582
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	25.501.604.670	12.024.338.535
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	3.414.821.032	54.464.072
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	806.526.954	806.817.376
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(467.858.401)	(467.858.401)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	824.360.246	794.260.246
1. Hàng tồn kho	141		824.360.246	794.260.246
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		50.407.723.038	52.336.273.478
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		49.068.254.705	50.375.958.485
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	49.001.988.576	50.296.192.356
Nguyên giá	222		151.919.138.648	151.082.430.939
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(102.917.150.072)	(100.786.238.583)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	66.266.129	79.766.129
Nguyên giá	228		121.000.000	121.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(54.733.871)	(41.233.871)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.339.468.333	1.960.314.993
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	1.034.744.433	1.655.591.093
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		304.723.900	304.723.900
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		144.577.495.807	135.612.587.627

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		10.600.913.441	5.882.236.925
I. Nợ ngắn hạn	310		10.600.913.441	5.882.236.925
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	201.478.131	217.678.131
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	3.724.144.051	1.344.807.419
3. Phải trả người lao động	314		4.198.159.443	2.046.244.779
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	857.836.040	944.680.020
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	68.938.303	51.628.755
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.14	1.550.357.473	1.277.197.821
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		133.976.582.366	129.730.350.702
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.15	133.976.582.366	129.730.350.702
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		95.000.000.000	95.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		95.000.000.000	95.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.462.308.448	1.462.308.448
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.689.983.751	3.689.983.751
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.824.290.167	29.578.058.503
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		128.058.503	3.138.119
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		33.696.231.664	29.574.920.384
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		144.577.495.807	135.612.587.627



Nguyễn Sơn
Giám đốc

Đắk Nông, ngày 18 tháng 07 năm 2017

Phạm Đức Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Ngọc
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút,
Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

Mẫu số B 01a – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.16	52.117.082.749	21.794.674.803
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		52.117.082.749	21.794.674.803
4. Giá vốn hàng bán	11	4.17	13.513.214.472	10.719.014.787
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.603.868.277	11.075.660.016
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.18	1.409.632.874	1.108.750.637
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.19	2.402.910.364	1.449.333.224
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		37.610.590.787	10.735.077.429
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37.610.590.787	10.735.077.429
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.21	2.104.099.471	710.266.467
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		35.506.491.316	10.024.810.962
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.15.4	3.547	979
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.15.5	3.547	979



Nguyễn Sơn
Giám đốc

Đắk Nông, ngày 18 tháng 07 năm 2017

Phạm Đức Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Ngọc
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	38.639.816.614	27.930.252.088
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(4.317.678.348)	(4.997.836.418)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.761.051.368)	(2.596.843.855)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(804.080.772)	(1.616.740.865)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	395.894.409	2.925.738.081
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(7.210.763.063)	(4.631.746.308)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	22.942.137.472	17.012.822.723
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(836.707.709)	-
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	907.272.727
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.368.712.684	1.186.806.598
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	532.004.975	2.094.079.325
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(29.448.116.500)	(30.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(29.448.116.500)	(30.400.000.000)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ	50	(5.973.974.053)	(11.293.097.952)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	70.064.292.321	56.224.344.317
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	64.090.318.268	44.931.246.365



(Handwritten signature in blue ink)

(Handwritten signature in blue ink)

Nguyễn Sơn
Giám đốc

Đắk Nông, ngày 18 tháng 07 năm 2017

Phạm Đức Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Ngọc
Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3203000163 ngày 20 tháng 11 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Nông cấp với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 12 năm 2014 với mã số doanh nghiệp là 0400456277.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 95.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Việt Nam	28.900.000.000	30,42%	28.900.000.000	30,42%
Các cổ đông khác		66.100.000.000	69,58%	66.100.000.000	69,58%
Cộng		95.000.000.000	100%	95.000.000.000	100%

Công ty được chấp nhận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 35/2012/QĐ-SGDHCM ngày 30/03/2012 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DRL. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là ngày 11/04/2012.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 33 (31 tháng 12 năm 2016 là: 33).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất kinh doanh điện năng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây lắp hệ thống điện
 - Xây dựng các công trình đường dây, trạm biến thế điện
 - Đầu tư xây dựng các dự án điện
 - Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
 - Xây dựng công trình thủy lợi, công trình dân dụng, công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện. Tư vấn các công trình điện. (Công ty chỉ được phép kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện đã cấp ở trên).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2016.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

4.1.1 Tiền

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	16.417.167	4.554.368
Tiền gửi ngân hàng	422.165.855	27.421.521
Cộng	438.583.022	31.975.889

4.1.2 Các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng	63.651.735.246	70.032.316.432
Cộng	63.651.735.246	70.032.316.432

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng là bên liên quan (Xem thêm mục 4.23)	25.501.604.670	12.024.338.535
Cộng	25.501.604.670	12.024.338.535

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Trả trước cho người bán	231.846.032	54.464.072
<i>Công ty TNHH XD & TM Điện năng</i>	-	40.379.040
<i>Công ty TNHH MTV Du lịch quốc tế Hải Vân</i>	158.144.000	-
<i>Công ty TNHH SX & TM Hưng Phú Phong</i>	24.585.000	-
<i>Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất</i>	14.085.032	14.085.032
<i>Đối tượng khác</i>	35.032.000	-
Trả trước cho người bán là bên liên quan (Xem thêm mục 4.23)	3.182.975.000	-
Cộng	3.414.821.032	54.464.072

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	323.951.475	-	283.031.285	-
Phải thu người lao động	6.717.078	-	47.927.690	-
Tạm ứng	8.000.000	-	8.000.000	-
Công ty CP ĐT&XD Miền Trung	467.858.401	467.858.401	467.858.401	467.858.401
Cộng	806.526.954	467.858.401	806.817.376	467.858.401

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi	467.858.401	-	467.858.401	-
Cộng	467.858.401	-	467.858.401	-

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khoản nợ đã quá hạn 3 năm nhưng vẫn chưa thể thu hồi được.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2017 VND			Tại ngày 01/01/2017 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty CP ĐT & XD Miền Trung	467.858.401	-	> 3 năm	467.858.401	-	> 3 năm
Cộng	467.858.401	-		467.858.401	-	

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	824.360.246	-	794.260.246	-
Cộng	824.360.246	-	794.260.246	-

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ là 0 đồng.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ là 0 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2017	60.894.796.964	86.753.966.049	1.526.598.546	439.822.909	1.467.246.471	151.082.430.939
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	836.707.709	-	836.707.709
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2017	60.894.796.964	86.753.966.049	1.526.598.546	1.276.530.618	1.467.246.471	151.919.138.648
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2017	16.839.327.409	81.893.604.107	724.083.958	209.829.438	1.119.393.671	100.786.238.583
Khấu hao trong kỳ	902.373.426	967.356.588	90.565.908	78.912.659	91.702.908	2.130.911.489
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2017	17.741.700.835	82.860.960.695	814.649.866	288.742.097	1.211.096.579	102.917.150.072
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2017	44.055.469.555	4.860.361.942	802.514.588	229.993.471	347.852.800	50.296.192.356
Tại ngày 30/06/2017	43.153.096.129	3.893.005.354	711.948.680	987.788.521	256.149.892	49.001.988.576

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 64.335.802.678 đồng.
Không có TSCĐ hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo các khoản phải trả tại ngày 30/06/2017.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2017	121.000.000	121.000.000
Mua trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2017	121.000.000	121.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2017	41.233.871	41.233.871
Khấu hao trong kỳ	13.500.000	13.500.000
Giảm trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2017	54.733.871	54.733.871
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2017	79.766.129	79.766.129
Tại ngày 30/06/2017	66.266.129	66.266.129

4.9. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Chi phí sửa trục roto	404.995.000	647.992.000
Chi phí đại tu tổ máy H1	629.749.433	1.007.599.093
Cộng	1.034.744.433	1.655.591.093

4.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Cơ khí Tây Nguyên	-	-	16.200.000	16.200.000
Bảo Việt Đà Nẵng	89.150.273	89.150.273	89.150.273	89.150.273
Các đối tượng khác	112.327.858	112.327.858	112.327.858	112.327.858
Cộng	201.478.131	201.478.131	217.678.131	217.678.131

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2017		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/ Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	1.127.637.965	5.211.878.275	4.590.245.955	-	506.005.645
Thuế TNDN	-	1.704.099.471	2.104.099.471	804.080.772	-	404.080.772
Thuế TNCN	-	8.156.185	1.076.768.938	1.121.500.443	-	52.887.690
Thuế tài nguyên	-	884.250.430	3.216.988.231	2.714.571.113	-	381.833.312
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	-	3.724.144.051	11.612.734.915	9.233.398.283	-	1.344.807.419

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phí môi trường rừng	857.836.040	944.680.020
Cộng	857.836.040	944.680.020

4.13. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Kinh phí công đoàn	15.426.048	-
Phải trả khác	53.512.255	51.628.755
- Quỹ tương trợ Công ty	10.894.655	10.894.655
- Vốn góp thừa	12.600.000	12.600.000
- Cổ tức cổ đông lẻ	30.017.600	28.134.100
Cộng	68.938.303	51.628.755

4.14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Quỹ khen thưởng	1.363.127.168	1.268.267.516
Quỹ phúc lợi	187.230.305	8.930.305
Cộng	1.550.357.473	1.277.197.821

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.15. Vốn chủ sở hữu

4.15.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LN sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2016	95.000.000.000	1.462.308.448	3.689.983.751	8.657.638.119	108.809.930.318
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	10.024.810.962	10.024.810.962
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(725.992.438)	(725.992.438)
Chia cổ tức	-	-	-	(11.400.000.000)	(11.400.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2016	95.000.000.000	1.462.308.448	3.689.983.751	6.556.456.643	106.708.748.842
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	24.319.376.938	24.319.376.938
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.297.775.078)	(1.297.775.078)
Số dư tại ngày 01/01/2017	95.000.000.000	1.462.308.448	3.689.983.751	29.578.058.503	129.730.350.702
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	35.506.491.316	35.506.491.316
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.810.259.652)	(1.810.259.652)
Chia cổ tức	-	-	-	(29.450.000.000)	(29.450.000.000)
Tại ngày 30/06/2017	95.000.000.000	1.462.308.448	3.689.983.751	33.824.290.167	133.976.582.366

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.15.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	28.900.000.000	28.900.000.000
Các cổ đông khác	66.100.000.000	66.100.000.000
Cộng	95.000.000.000	95.000.000.000

4.15.3 Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2017 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.500.000	9.500.000
Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông	9.500.000	9.500.000
Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.500.000	9.500.000
Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông	9.500.000	9.500.000
Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phần

4.15.4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi-nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35.506.491.316	10.024.810.962
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.810.259.652	725.992.438
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CPPT	33.696.231.664	9.298.818.524
Số lượng CPPT lưu hành bình quân trong kỳ	9.500.000	9.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.547	979

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.15.5 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35.506.491.316	10.024.810.962
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.810.259.652	725.992.438
Số lượng CPPT lưu hành bình quân trong kỳ	9.500.000	9.500.000
Số lượng CPPT dự kiến phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.547	979

4.15.6 Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 08-NQ/PC3HP.Co-ĐHCĐ ngày 15 tháng 03 năm 2017 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2016 bằng tiền với tỷ lệ 34,02%/vốn điều lệ. Theo đó, trừ khoản cổ tức đã chi trả trong năm 2016 là 2,89% (tương ứng với 2.745.500.000 đồng), phần cổ tức còn lại được chi trả trong năm 2017.

4.16 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán điện thương phẩm cho bên liên quan (Xem thêm mục 4.23)	52.117.082.749	21.794.674.803
Cộng	52.117.082.749	21.794.674.803

4.17 Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán điện thương phẩm	13.513.214.472	10.719.014.787
Cộng	13.513.214.472	10.719.014.787

4.18 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.409.632.874	1.108.750.637
Cộng	1.409.632.874	1.108.750.637

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.19 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Chi phí nhân viên quản lý	994.544.364	724.510.959
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	96.744.088
Chi phí khấu hao TSCĐ	46.737.216	-
Thuế, phí và lệ phí	24.600.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	98.540.363
Chi phí bằng tiền khác	1.337.028.784	529.537.814
Cộng	<u>2.402.910.364</u>	<u>1.449.333.224</u>

4.20 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	801.297.412	121.258.743
Chi phí nhân công	5.821.626.554	2.324.178.204
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.144.411.489	5.160.236.808
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.635.997.895	3.401.167.426
Chi phí khác bằng tiền	2.512.791.486	1.161.506.830
Cộng	<u>15.916.124.836</u>	<u>12.168.348.011</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.21 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37.610.590.787	10.735.077.429
- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất điện năng	36.200.957.913	9.626.326.792
- Lợi nhuận từ hoạt động khác	1.409.632.874	1.108.750.637
Cộng	242.500.000	144.000.000
- Chi phí không hợp lý hợp lệ	-	30.000.000
- Thủ lao HDQT, BKS không tham gia điều hành	242.500.000	114.000.000
Trừ	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	37.853.090.787	10.879.077.429
- TNCT từ hoạt động sản xuất điện năng	36.443.457.913	9.770.326.792
- TNCT từ hoạt động khác	1.409.632.874	1.108.750.637
Thuế suất thuế TNDN		
- Hoạt động sản xuất điện năng	10%	10%
- Hoạt động khác	20%	20%
Chi phí thuế TNDN	3.926.272.366	1.198.782.807
- Hoạt động sản xuất điện năng	3.644.345.791	977.032.679
- Hoạt động khác	281.926.575	221.750.128
Chi phí thuế TNDN được giảm	1.822.172.895	488.516.340
- Hoạt động sản xuất điện năng	1.822.172.895	488.516.340
- Hoạt động khác	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.104.099.471	710.266.467

4.22 Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ thực tế hoạt động của Công ty, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất điện năng và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

4.23 Thông tin về các bên có liên quan**Danh sách các bên liên quan**

Tổng Công ty Điện lực Miền Trung

Mối quan hệ

Công ty đầu tư

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu:		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	25.501.604.670	12.024.338.535
Cộng – Xem thêm mục 4.2	25.501.604.670	12.024.338.535

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Trả trước cho người bán		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	3.182.975.000	-
Cộng – Xem thêm mục 4.4	3.182.975.000	-

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán điện thương phẩm		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	52.117.082.749	21.794.674.803
Cộng – Xem thêm mục 4.16	52.117.082.749	21.794.674.803

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lương và thưởng của ban giám đốc	994.544.364	430.105.858
Thù lao của HĐQT	228.000.000	138.000.000
Thu nhập của BKS	60.000.000	60.000.000

4.24 Công cụ tài chính

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty không có các rủi ro thị trường.

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.090.318.268	70.064.292.321
Phải thu khách hàng	25.501.604.670	12.024.338.535
Phải thu khác	330.668.553	330.958.975
Cộng	89.922.591.491	82.419.589.831
Công nợ tài chính:		
Phải trả người bán và phải trả khác	254.990.386	269.306.886
Chi phí phải trả	857.836.040	944.680.020
Cộng	1.112.826.426	1.213.986.906

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng:

	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	1.112.826.426	1.112.826.426
Tại ngày 30/06/2017	1.112.826.426	1.112.826.426
Dưới 01 năm	1.213.986.906	1.213.986.906
Tại ngày 01/01/2017	1.213.986.906	1.213.986.906

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

4.25 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Sơn
Giám đốc

Đắk Nông, ngày 18 tháng 07 năm 2017

Phạm Đức Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Ngọc
Người lập biểu